

ALBERTO MORAVIA



*thời
giấc giữa*

NGUYỄN XUÂN HOÀNG dịch

THỜI GIẶC GIÃ

ALBERTO MORAVIA

Nguyễn Xuân Hoàng dịch

thời giấc già

Alberto Moravia

Người dịch: Nguyễn Xuân Hoàng

*Bìa: **M.C.P***

*Nguồn: **Thư viện Tiểu Lùn***

**thời
giấc giã**

ALBERTO MORAVIA

Người dịch: Nguyễn Xuân Hoàng

**Tuần báo NGHỆ THUẬT
số 5 * 30/10 - 06/11/1965**

Chúng tôi đã trù liệu kỹ và quyết định xuống thung lũng đối trứng để lấy bột mì. Trứng thì chúng tôi mua của lão Parique. Tất cả được mười sáu quả và thêm vào đó chút đỉnh tiền, tôi tính đổi lấy vài chục lít bột mì. Từ hôm xảy ra vụ máy bay xạ kích và cái chết của Tommasino đến nay, tôi chưa xuống lại thung lũng lần nào. Cực chẳng đã tôi mới đi chuyến này. Cho nên tôi thật không biết phải nói làm sao với Michel khi biết hẳn sẵn lòng hộ tống chúng tôi. Phải nói là tôi rất vui mừng nhận lời, bởi tôi cảm thấy vô cùng yên tâm khi cùng đi với Michel. Hẳn là người duy nhất giúp tôi

thêm can đảm và tin tưởng trong những ngày loạn lạc này.

Tôi đặt tất cả trứng trên một lớp rơm đống trong một chiếc rổ nhỏ. Cả bọn lên đường thật sớm, Trời mới tháng hai và chúng tôi đang ở giữa mùa đông, giữa cuộc chiến tranh kỳ lạ, giai đoạn đau thương nhất của những nỗi xót xa đã kéo dài từ nhiều năm nay trên quê hương đau khổ này. Hồi chúng tôi cùng xuống thung lũng với Tommasino, cây hã còn đầy lá vàng, cánh đồng còn rợp cỏ, những đóa hoa muộn màng của mùa thu còn nở bên cạnh những hoa tím đại trên sườn đồi. Vậy mà bây giờ dưới bầu trời mù sương và xanh nhạt, mọi vật bỗng trở nên khô khan, cần cỗi, ảm đạm và trơ trọi. Không khí lạnh buốt như cắt da. Lúc ra đi thì náo nức, nhưng rồi chúng tôi cũng mau chóng trở lại lầm

lì. Sự im lặng vô cùng như những ngày đông buồn bã; sự im lặng làm lạnh giá chúng tôi và cũng làm tan luôn những rạo rức hăng hái lúc đầu. Và cứ như thế trong im lặng chúng tôi đến cửa thung lũng. Đây là nơi gặp gỡ của nhiều con đường. Một chiếc cầu nhỏ bắc ngang. Một gian nhà thấp và rộng mà trước kia Tommasino đã sống. Tôi còn nhớ khung cảnh đó những ngày trước đây thật đẹp, thật thơ mộng và quyến rũ.

Bây giờ tôi bỗng ngạc nhiên sao thấy nó buồn bã, ảm đạm, trơ trọi và tầm thường. Có bao giờ bạn trông thấy một người đàn bà hói đầu chưa? Chính tôi, đã có tôi lần trông thấy một cô gái, ở vùng quê tôi, sau một cơn bệnh thương hàn tóc rụng gần hết đành phải cạo trọc luôn. Thoạt nhìn tôi cứ tưởng như một cô gái nào khác. Khuôn mặt hoàn toàn

xa lạ làm tôi ngỡ ngàng, và chứng rụng tóc kỳ dị nơi một người đàn bà, khiến cho gương mặt thiếu mái tóc khác nào như bị một tia sáng quá chói chang gây thương tích. Ba cây ngô đồng phủ bóng xuống mái nhà xưa của Tommasino bây giờ không còn cành lá xum xuê và xanh mát nữa, những viên sỏi bên bờ suối không còn bám chút rong rêu, con đường nhỏ và chiếc hố cạn quen thuộc ngày nào bây giờ cũng không còn lay chút cỏ xanh, Sự thiếu vắng tro troi đó như chôn giấu những nét đẹp mà trước kia tôi không nghĩ là nó có ở chốn này, khiến tôi liên tưởng đến một người con gái không tóc. Nhìn lại cảnh xưa giờ đã điêu tàn tim tôi như se lại, bởi tôi nhìn thấy, ở đó hình ảnh hiện tại của cuộc đời chúng tôi, một cuộc đời cũng tro troi và vô vị giữa trận chiến tranh bất tận này.

Chúng tôi ra đến đường lớn và một lúc lâu sau chúng tôi gặp người đầu tiên trong ngày một người đàn ông cầm cương dẫn hai con ngựa hồng đẹp và khỏe. Thú ngựa giống Đức, nhưng người đàn ông thì lại bận bộ đồng phục kỳ lạ, tôi chưa từng thấy lần nào. Vừa khi chúng tôi đến gần, hắn ta mở lời bằng một thứ tiếng Ý không trôi lắm. Hắn khoảng hai mươi lăm tuổi, người to lớn, trẻ trung, thanh nhã và điển trai, khuôn mặt gân guốc, một vẻ đẹp khác thường. Đôi chân hắn dài, đi giày da màu hung hung. Tóc hắn vàng ánh, đôi mắt màu xanh lục hình trái hạnh nhân, kỳ lạ và mơ mộng. Chiếc mũi thanh và thẳng, đôi môi đỏ và rõ nét khi hắn cười để lộ hai hàm răng trắng và đều, ưa nhìn. Hắn nói với chúng tôi rằng hắn là người Nga chứ không phải người Đức. Và quê nhà hắn ở một thành phố rất xa mà bây giờ tôi cũng không còn

nhớ tên. Hắn điềm tĩnh kể cho chúng tôi nghe là hắn đã phản bội đồng bào của hắn để theo bọn Đức. Không phải hắn ưa gì cái bọn Quốc Xã mà theo, nhưng theo vì hắn không chịu nổi quê hương của hắn.

Hắn phục vụ bọn Đức cũng như những người Nga phản bội khác đã phục vụ; nhưng hắn quả quyết là bọn Đức rồi sẽ thảm bại ngay bây giờ, bởi tính ác độc của chúng đã kích động các dân tộc khác liên kết với nhau chống lại chúng. Việc thảm bại chỉ là vấn đề ngày tháng. Nhưng hắn tiếp, ngày đó cũng sẽ là ngày cuối cùng của đời hắn và hắn phác một cử chỉ bằng tay bóp chẹt cổ cho biết là bọn Nga sẽ cắt cổ hắn. Nghe hắn nói tôi xúc động vô cùng. Vậy mà hắn lại kể với một giọng thật điềm tĩnh. Số phận đó không làm hắn bối rối, nụ cười làm dài

môi hăn và đôi mắt xanh nhạt của hăn bỗng kỳ lạ như hai vụng biển sâu.

Chúng tôi biết là hăn ghét bọn Đức, bọn Nga và cả chính hăn nữa, và chính ý nghĩ về cái chết làm hăn dừng dừng. Tay cầm dây cương ngựa hăn im lặng đi trên con đường quanh hiu giữa cánh đồng ẩm đậm và điêu tàn. Với đôi ngựa hăn thật hoàn toàn cô đơn. Tôi không thể nào tưởng tượng được một người như thế kia lại đang bước lần đến cái chết.

Đến ngã tư, chúng tôi chia tay, hăn vừa vuốt bờm ngựa vừa nói:

– Đôi ngựa này là tất cả những gì còn lại trong đời tôi... nhưng đúng ra chúng cũng chẳng phải là của tôi nữa!

Chúng tôi nhìn theo bóng hăn hồi lâu khuất dần theo hướng thành phố.

Tôi nghĩ thâm, lại một nạn nhân nữa của chiến tranh. Nếu không có chiến tranh biết đâu cậu trai này chẳng ở tại quê hương của cậu ta, có thể đã lấy vợ, làm việc và biết đâu hẳn chẳng là người đàn ông lương thiện. Chiến tranh đã xua đuổi cậu ta xa lìa quê hương, chiến tranh đã dẫn dắt cậu ta đến chỗ bội phản và chiến tranh rồi sẽ tước đoạt hết cuộc sống của cậu ta. Trong những nỗi hãi hùng cái chết là một điều kinh khủng nhất, và cũng là điều vô phúc nhất bởi nó không chút tự nhiên và thật khó hiểu.

Chúng tôi rẽ sang một con đường nhỏ bên tay trái, đi về phía vườn cam, hy vọng gặp bọn lính thiết giáp Đức, bọn lính mà trước kia chúng tôi đã có lần đối trúng và bánh mì với chúng. Nhưng chúng tôi chẳng gặp một ai. Bọn pháo binh đã đi đâu mất, chỉ còn lại khoảnh đất

bị dẫm nát dày xéo không còn một cành cây, ngọn cỏ. Tôi nói tốt hơn là mình cứ tiếp tục đi thêm nữa, biết đâu chừng sẽ gặp lại bọn lính Đức hay gặp những trại lính khác. Đi thêm gần một cây số nữa thì chúng tôi gặp một cô gái tóc vàng đang đi lang thang ngơ ngác một mình trên đường. Cô ta bước từng bước chậm rãi, thỉnh thoảng lại cắn nhai một khúc bánh mì và nhìn chăm chú cánh đồng u ám khô cằn với nỗi hứng thú kỳ dị. Tôi đến gần cô ta hỏi:

– Này em, em có trông thấy bọn Đức đóng trại dọc theo con lộ này không?

Cô gái dừng lại và nhìn tôi chăm chăm. Cô ta khá đẹp, người khỏe mạnh, đôi mắt to màu hạt dẻ nằm trên một khuôn mặt rộng và hơi tối. Cô ta đáp vội vã:

– Bọn Đức... bọn Đức, chắc chắn là có rồi... mà tại sao lại không có mới được chứ? Nhưng bọn chúng ở đâu?

Cô ta vẫn cứ nhìn tôi chăm chăm như đang bị một nỗi hãi hùng nào chụp lấy. Rồi bỗng nhiên cô ta bỏ chạy. Tôi giữ lấy tay cô ta và lập lại câu hỏi. Cô ta nhỏ giọng đáp:

– Nếu tôi nói với bà chuyện này thì bà đừng chỉ chỗ giấu đồ ăn của tôi nghe...

Trước câu trả lời kỳ quặc đó, tôi không nói được tiếng nào. Sau đó tôi hỏi:

– Em nói cái gì vậy? Tại sao em lại nói đến đồ ăn?

Nhưng cô ta lắc đầu:

– Tội nó đến tội nó lấy hết... lấy hết... Tội Đức đó mà, bà biết chứ... nhưng lần

mới đây bà biết tôi nói gì với tụi nó khi tụi nó tới đây không?... Tôi không có gì hết, không có bột mì, không có mỡ, không có đậu, không có gì cả... Tôi chỉ có sữa của tôi để nuôi con tôi... nếu mấy ông muốn lấy sữa thì đây nè, lấy đi... lấy đi.

Và nhìn tôi với cái nhìn lơ đãng cô ta mở nút áo ra. Michel, Rosetta và cả tôi đều sững sờ. Vừa mấp máy môi như nói với chính mình, cô ta vừa cởi áo xuống tận bụng, và với bàn tay mở rộng giống như cử chỉ của một người mẹ cho con bú, cô ta vạch vú ra và nói:

– Tôi chỉ có cái này thôi, nếu mấy ông muốn thì cứ lấy đi.

Cô ta nói như một người đang trong mơ. Chiếc vú căng tròn trắng mịn đặc biệt của những người mẹ cho con bú vươn ra ngoài chiếc áo. Nhưng khi làm

xong cử chỉ đó cô ta vội bỏ đi vừa ca hát như một người mất trí. Chiếc áo trệt hết nút đưa cả vú ra ngoài. Tôi đã nghĩ gì khi nhìn cô ta xa dần, miệng gặm bánh mì và chiếc vú vươn ra ngoài gió đông, vật trắng sáng duy nhất linh động và ấm áp trong khung cảnh điêu tàn và lạnh lẽo này. Rosetta la lên:

– Cô ta điên mà.

Michel đáp gọn lỏn:

– Thì dĩ nhiên rồi!

Và chúng tôi lặng thinh tiếp tục đi.

Vì không gặp một tên lính Đức nào, Michel đề nghị chúng tôi cùng đến người quen của cậu hiện đang ẩn ở trong một căn nhà giữa vườn cam. Michel quyết rằng những người này lương thiện thật thà, ít ra họ cũng có thể chỉ cho chúng ta

biết bọn Đức ở đâu để mà buôn bán đôi chác. Michel cũng nói với tôi rằng vườn tược đất đai quanh đây đều thuộc về một người mà hiện chúng tôi đang đến nhà, một trạng sư sống độc thân và một bà mẹ già.

Chốc sau chúng tôi đến trước một căn nhà nhỏ tồi tàn xây gạch, mái tôn gợn sóng trong một khu vườn thưa. Căn nhà có hai cửa sổ và một cửa lớn. Michel nhìn qua cửa sổ và nói với chúng tôi rằng mọi người đều có đủ mặt ở nhà. Nói xong cậu ta gõ cửa hai lần. Sau khi chờ đợi khá lâu, cánh cửa hé mở từ từ như miễn cưỡng, và ông trạng sư bước một bước tới trước ngưỡng cửa. Ông ta khoảng năm mươi tuổi bụng bự, hói tóc, trán trắng nhợt và bóng láng, mái tóc rối, đôi mắt ướt và lộ. Chiếc mũi quằm như

điều hâu và chiếc miệng khép kín trên cằm đôi. Ông ta mặc một chiếc áo choàng bằng vải “ra” xanh, cổ nhung, như ta vẫn mặc vào buổi tối, nhưng chiếc áo choàng thanh nhã này lại phủ ngoài một chiếc quần rách tua và đôi giày đinh nhà binh to tổ bố.

Tôi để ý thế vì khi trông thấy chúng tôi ông ta có vẻ như muốn lùi lại, nhưng liền đó ông ta đổi ngay thái độ, bước đến bên Michel dang rộng hai tay trong một điệu bộ ân cần đến gần như quá lỗ:

– Cậu bé Michel... may mắn, thật là may mắn quá... không biết ngọn gió nào đã đưa cậu đến đây?

Michel giới thiệu chúng tôi cho ông ta, nhưng ông ta chào lại hơi xa cách bằng một cử chỉ bực bội và lạnh nhạt. Vì

chúng tôi vẫn còn đứng mãi trên ngưỡng cửa mà ông ta không mời vào, nên Michel nói:

– Chúng tôi đi qua gần đây nhân tiện tạt qua thăm ông một chút.

Ông trạng sư rùng mình:

– Tốt lắm... tốt lắm... Này chúng tôi cũng vừa mới ngồi vào bàn... vậy thì mời vào... các người cũng dùng cơm với chúng tôi...

Hắn hơi do dự một chút rồi tiếp:

– Vả lại Michel này, vì là chỗ thân tình... tôi muốn báo trước cho cậu một việc... tôi có mời một trung úy người Đức chỉ huy pháo binh phòng không ở gần đây.. tôi bị bó buộc... thiệt là khổ khổ cho thời đại chúng ta sống...

Rồi vừa cười, vừa xin lỗi ông ta mời chúng tôi vào nhà, Bàn ăn đã đặt xong cạnh chiếc cửa sổ và đó cũng là vật sạch sẽ và trật tự duy nhất trong căn buồng này... Còn tất cả đều lộn xộn, cả đồng đồ vật loạn xạ, giẻ rách, sách vở, rương thùng chất đầy... Ngồi ở bàn là một mệnh phụ bé nhỏ già nua, mẹ của ông trạng sư, mặc quần áo đen, dáng điệu khép nép, sợ hãi như con khỉ con, và viên trung úy Quốc xã, người lép xẹp như miếng ván trong một đồng phục quá khít khao, đôi chân dài đi giày kỵ mã, luồn dưới bàn một cách tự nhiên. Nhìn hẳn, người ta dễ nghĩ đến một con chó: chiếc mũi sồ sồ, đôi mắt vàng khít rịt không lông nheo cũng không có lông mày và cái nhìn sáng rực bất bình.

Khi chúng tôi bước vào, hẳn lịch sự đứng lên gõ gót giày chào chúng tôi,

nhưng không bắt tay chúng tôi, rồi tự nhiên ngồi xuống như muốn nói: Điều mà tôi đã làm, không phải làm vì mấy người, mà làm vì lịch sử., Khi đó thì ông trạng su giải thích rằng viên trung úy được bổ nhiệm điều khiển pháo đội phòng không của tiểu khu và bữa ăn hôm nay là tiệc khoản đãi người bạn láng giềng. Ông ta kết luận:

– Hãy cầu mong cho chiến tranh sớm chấm dứt để Ngài trung úy còn có thể đón tiếp chúng ta tại nhà Ngài bên quý quốc.

Viên trung úy không nói cũng không cười, tôi tưởng là hắn không biết ngôn ngữ của nước ta (nước Ý) nên không hiểu gì hết. Nhưng khi bà cụ rót rượu mời hắn bằng một giọng than van rên rỉ, thì hắn đã trả lời bằng một tiếng Ý thật đúng giọng:

– Cám ơn, tôi không bao giờ dùng rượu khai vị...

Vậy thì chính vì không ưa tên trạng sư mà hăn nhăn nhó như thế. Michel kể chuyện chúng tôi gặp cô gái điên. Ông trạng sư hồ hững nói:

– À, phải con Léna đó... Nó điên điên khùng khùng mà... Năm rồi trong sự hỗn loạn của lính tráng di động khắp nơi, một người lính tình cờ gặp nó khi nó đi lang thang một mình như thường lệ trong cánh đồng, đã lợi dụng nó đến mang thai...

– Thế đứa con của cô ta đâu?

– Gia đình nó giữ và nuôi nấng đứa bé chu đáo lắm. Nhưng tội nghiệp con Léna, nó cứ tưởng là người ta đã cướp con mình chỉ vì không có sữa cho con bú.

Điều kỳ lạ của câu chuyện này là trong thực tế nó vẫn cho con nó bú đều đặn đúng giờ đã định. Mẹ nó đặt cháu trong tay con gái mình cho nó bú. Nhưng nó thì cứ tưởng là mình không thể nào làm cho con mình hết đói được...

Ông trạng sư nói đến Léna như ông nói đến bất kỳ một vấn đề nào đó. Tôi thì ngược lại, lúc nào tôi cũng còn giữ một ấn tượng sâu xa hình ảnh của cô gái điên trong ký ức mình, không thể nào xóa nhòa được. Cũng như chiếc vú bỏ trần di động trên con lộ trước mặt mọi người là hình ảnh hoàn cảnh trong đó chúng tôi người Ý chúng tôi, sống vào mùa đông năm 1944, bị mất mát tất cả khác nào như những con vật chỉ còn có sữa để nuôi con.

Trong khi đó thì bà mẹ của ông trạng sư run rẩy và sợ hãi, đi qua đi lại, hai tay

bưng những đĩa bàn như thánh thể. Lần lượt bà đặt trên bàn một đĩa thịt jambon và xúc xích, bánh mì Đức, thứ bánh mà chúng tôi đã đổi trước kia, một tô canh mì sợi, và cuối bữa là món gà hầm dưa chua. Còn có một chai rượu chát đỏ hảo hạng nữa. Rõ ràng là hai mẹ con ông trạng sử dụng tiệc mua lòng người hàng xóm là tên Đức trẻ tuổi kia, và họ cố tình đứng về phía tên này. Nhưng tên Đức xấu nết, vì khi thấy bánh mì, hắn liền sẵn giọng hỏi:

– Thưa ông Trạng sư, làm sao ông lại có thể có được thứ bánh mì này?

Viên trạng sư vẫn giữ chiếc áo choàng trên người, làm như đang bị cơn sốt hành, đáp giọng ngập ngừng, vẻ đùa cợt:

– Ô, quà tặng đấy mà... một người lính đã tặng chúng tôi đấy... và dĩ nhiên về phần chúng tôi, chúng tôi cũng tặng cho hắn một món gì... thừa bà, thời buổi chiến tranh...

– Một cuộc đổi chác... tên Đức nghiêm nghị nói – Cắm đấy... mà tên lính nào vậy?

– Ô Ô! thưa Trung Úy, chúng ta nói đến tội lỗi chứ không nói đến người phạm tội... Xin Ngài nếm thử món thịt đùi này, món này của chúng tôi đấy!

Tên Trung úy ăn và không trả lời.

Bỗng nhiên hắn hướng sự chú ý về phía Michel và bất thành linh hỏi Michel làm nghề gì. Michel đáp không do dự:

– Giáo sư.

- Giáo sư về môn gì?
- Văn chương Ý...

Và trước nỗi kinh ngạc của viên trạng sư, tên Đức trầm tĩnh tiếp lời:

– Tôi biết văn chương của nước ông, tôi cũng có dịch ra tiếng Đức một quyển tiểu thuyết Ý.

- Quyển nào vậy?

Viên trung úy có nói tên tác giả và nhan đề quyển sách (mà bây giờ tôi quên mất biệt). Bây giờ Michel đã có vẻ chú ý đến câu chuyện, còn viên trạng sư thấy tên Đức nói chuyện với Michel có vẻ kính nể như người ngang hàng, nên đổi thái độ và tỏ vẻ hài lòng về sự có mặt của Michel trong bữa ăn. Một lúc hắn vỗ vai tên Đức và nói:

– Này thượng khách của chúng ta là một học giả... một học giả uyên bác...

Nhưng tên Đức làm như không biết viên trạng sư lúc đó là chủ nhà. Và hắn tiếp tục nói với Michel:

– Tôi đã sống hai năm ở La Mã và đã học tiếng nước ông... riêng tôi, tôi chuyên về triết học...

Viên trạng sư tìm cách nhảy vào câu chuyện bằng giọng điệu khôi hài:

– Thế thì Ngài biết tại sao chúng tôi, người Ý chúng tôi, lại xem những biến cố mới đây với tinh thần triết học...

Nhưng tên Đức không buồn ngó ông ta. Hắn đàm luận say sưa với Michel và nhắc đến vô số tên những sách vở, hắn hiểu rõ văn chương và tôi nhận thấy Michel, mặc dù bất đắc dĩ và miễn cưỡng,

cũng để lộ cảm tình với tên Đức, nếu không muốn nói là tỏ vẻ kính trọng nó. Rồi dần dà cả hai người nói đến chiến tranh và về cái mà chiến tranh có thể phô bày cho một học giả hay một nhà triết học. Tên trung úy sau khi đã nhận xét rằng kinh nghiệm chiến tranh rất quan trọng và cần thiết nữa, bèn nói với chúng tôi:

– Cái cảm giác tân kỳ nhất mà tôi bắt gặp, cái cảm giác thẩm mỹ nhất... (Hắn cứ nói nói đi lại hai chữ “thẩm mỹ”) mà hồi đó tôi không hiểu gì cả, nhưng cho đến nay nó vẫn còn nằm trong ký ức tôi – tôi đã tìm thấy trong suốt mặt trận Balkans, và ông có biết bằng cách nào không ông bạn giáo sư? Bằng cách dùng súng phun lửa quét sạch một hầm đầy ních những lính địch.

Nghe nói câu đó, cả bốn chúng tôi, viên trạng sư, bà mẹ ông ta, Rosetta và tôi, bỗng rụng rời. Tôi nghĩ có lẽ đó chỉ là lời khoe khoang phách lối, không có thật, tên Đức nhậu rượu chát khá nhiều, mặt hắc đỏ hực và đôi mắt sáng ngời; nhưng lúc đó tôi cảm thấy hãi hùng và máu tôi như đọng lại, tôi nhìn mọi người. Rosetta ngó xuống, bà mẹ viên trạng sư tay run rẩy mân mê một xấp khăn bàn, viên trạng sư rụt đầu vào chiếc áo choàng như một con rùa. Chỉ có Michel mở to mắt nhìn tên Trung úy và nói:

– Thích thú... không còn gì để nói nữa, thật là thích thú... nhưng phải chăng điều đó chưa mới lạ và thẩm mỹ bằng cảm giác của người phi công thả bom xuống một làng quê và sau đó nhìn thấy nhà cửa tan thành cát bụi dưới lộ trình mình...

Tên Đức quá thông minh để hiểu là Michel mia mai mình; sau một phút im lặng hần nói:

– Chiến tranh là một kinh nghiệm không thể thay thế được, nếu không có chiến tranh một người đàn ông không thể gọi là đàn ông được... à, mà thưa ông giáo sư, làm sao ông lại không phải ra mặt trận nhỉ?

– Mặt trận nào?

Michel trầm tĩnh hỏi lại, và lần này tên trung úy không trả lời, chỉ ném cái nhìn giận dữ cho Michel rồi cúi xuống ăn. Nhưng hần vẫn chưa bằng lòng và cảm thấy rõ không khí khó thở nếu không muốn nói là thù hận. Không thuyết phục được Michel, hần quay sang tấn công viên trạng sư lần nữa:

– Ông trạng sư – tên Đức đột nhiên chỉ xuống bàn ăn – ở đây ông sống phè phỡn trong khi hầu hết mọi người xung quanh đều chết đói... Làm thế nào ông có thể có được những món ăn ngon như thế này?

Viên trạng sư và bà mẹ nhìn nhau lo ngại, bà mẹ thì sợ hãi, còn viên trạng sư thì vững tâm đáp:

– Tôi chứng nhận với Ngài là không phải bữa ăn nào cũng giống như bữa ăn hôm nay... nhưng chúng tôi muốn làm vinh dự Ngài...

Tên Đức lặng thinh, rồi hỏi:

– Ông là sở hữu chủ cả vùng này phải không?

– Dạ, gần gần như vậy...

– Gần gần như vậy là thế nào?...
Người ta nói với tôi rằng nửa vùng thung
lũng này là của ông mà...

– Thừa trung úy, quân nào đã nói với
trung úy điều đó là đồ láo khoét, quân
đổ kị... thực ra tôi chỉ có một vài ngôi
vườn... chúng tôi gọi là ngôi vườn, những
cụm cam đó mà...

– Dường như số lợi tức nhiều lắm...
ông là phú hộ rồi...

– Phú hộ, ô! không đâu trung úy, tôi
chỉ sống về những gì tôi có...

– Và ông có biết những người làm
công cho ông sống như thế nào không..?

Viên trạng sư biết tên Đức muốn
hướng câu chuyện về đâu, nên ông ta
bình tĩnh trả lời:

– Họ sống dễ chịu... trong thung lũng này. Họ là những kẻ được chiều đãi và sống sung sướng.

Tên trung úy khi đó đang cắt miếng thịt gà, liền chĩa mũi dao về phía viên trạng sư, nói không cười:

– Nếu những người đó sống sung sướng, tại sao những người khác sống khổ sở... tôi đã thấy họ sống như thế nào rồi, những dân cày của ông đó... như là trâu bò... trong những căn nhà giống như những chuồng ngựa, ăn uống như súc vật, và mặc áo quần rách rưới... ở nước chúng tôi, không một nông dân Đức nào sống như thế, chúng tôi xấu hổ lắm...

Bà mẹ viên trạng sư đưa mắt van lơn nhìn ông ta như muốn nói: “Con im đi, đừng chọc tức nó”. Vì thế viên trạng sư

nhún vai không trả lời. Nhưng tên Đức dần giọng:

– Ông nói sao bây giờ, ông trạng sư, sao ông không trả lời?

– Bởi họ thích lối sống đó... tôi dám chắc với trung úy là... trung úy không hiểu họ đâu...

Nhưng tên Đức, giọng cứng rắn:

– Không chính ông, chính những kẻ có tài sản đã ép buộc họ phải sống một cuộc đời như thế... tất cả đều phát xuất từ đó – và hấn chùi trán – Các ông là đầu não của nước Ý cho nên nếu những người dân quê của ông sống như súc vật thì đó chính là lỗi của các ông...

Rõ ràng là viên trạng sư hồng giò, hấn ăn uống miễn cưỡng, ngón từng miếng khó nhọc như gà vịt được người

ta tọng đồ ăn. Bà mẹ ông ta có điệu bộ hung dữ, tôi thấy hai bàn tay bà đan vào nhau dưới bàn; chắc hẳn bà cầu nguyện xin Thượng Đế phù hộ. Tên Đức nói tiếp:

– Ngày xưa, tôi chỉ biết có một vài thành phố nước Ý, những thành phố đẹp nhất, và trong những thành phố đó, tôi chỉ biết có những đền đài... Nhờ có chiến tranh nên bây giờ tôi biết tường tận quê hương ông, tôi đã đi đây đi đó... và ông có biết tôi nghĩ gì không, ông trạng sư khả kính, tôi nghĩ rằng ở quý quốc giữa những giai cấp xã hội có những cách biệt kỳ lạ...

Viên trang sư không nói năng gì, chỉ hơi nhún vai như có ý nói: tôi có thể làm gì được? Đọc được cử chỉ đó, tên Đức chụp lấy cơ hội:

– Không... không; sự kiện đó quan hệ đến ông, cũng như có quan hệ đến hết thầy mọi người, trạng sư, kỹ sư bác sĩ, giáo sư, trí thức... Người Đức chúng tôi thực xấu hổ khi thấy những cách biệt quá lớn lao giữa sĩ quan và binh sĩ Ý... sĩ quan mang đầy ga lông, quân phục bằng vải đẹp, ăn thức ăn đặc biệt, được đãi ngộ đặc biệt, ưu tiên, trong khi lính các ông khổ sở và y phục thô sơ, ăn thức ăn loài vật và được đối xử như trâu bò... về điểm này ông có điều chi phản đối tôi chăng?

– Điều chi trung úy nói dĩ nhiên là đúng... nhưng một mình tôi, tôi có làm được gì?

Nhưng tên Đức vẫn năng nặc:

– Đừng nói như vậy... ông có trách nhiệm, còn nếu như ông và tất cả những người như ông thực tình muốn thay đổi

tình trạng đó, cứ tin tôi đi, tình trạng đó sẽ được đổi thay... Ông có biết tại sao nước Ý bại trận không? Cái điều khiến người Đức chúng tôi phí bỏ những đoàn quân ưu tú ở mặt trận nước Ý, chính là vì sự cách biệt đó, sự cách biệt giữa binh sĩ và sĩ quan, giữa người dân và giai cấp lãnh đạo. Người lính Ý không chiến đấu bởi họ nghĩ rằng cuộc chiến tranh này là của các ông, không phải của họ; và họ đã chứng tỏ cho thấy lòng phản kháng đó bằng cách không chiến đấu... ông trạng sư, ông có điều gì để nói không?

Nỗi căm giận đã thay thế lòng sợ hãi.
Viên trạng sư kêu lên:

– Đúng vậy, người dân không muốn chút nào cuộc chiến tranh này... nhưng tôi, tôi lại càng không muốn hơn nữa... chính quyền phát-xít đã đặt nó lên đầu

chúng tôi... và chính quyền đó đâu phải là tôi, trung úy cũng biết vậy mà...

Tên Đức cao giọng trả lời:

– Thực tiện lợi quá, ông bạn, chính quyền phát-xít là chính quyền của ông.

– Trung úy nói đùa...

Bà mẹ viên trạng sư chen vào:

– Francesco, mẹ van con...

Nhưng tên Đức vẫn không chịu lùi:

– Vâng, chính quyền của ông, ông muốn có bằng chứng chẳng...

– Bằng chứng nào?

– Tôi biết tất cả về ông, Ông bạn ạ, chẳng hạn như tôi biết ông là một đảng viên tự do – một người chống phát-xít... nhưng trong vùng này, ông không hề giao

thiếp với người dân quê và thợ thuyền mà trái lại, ông đi liên lạc mật thiết với viên thư ký của đảng... này! ông phải nói sao đây?

Viên trạng sư lại nhún vai lần nữa:

– Cứ biết tôi không phải là người chống phát-xít, không phải đảng viên tự do, tôi không quan tâm đến chính trị, công việc của tôi cũng bế bộn rồi... mà không biết trung úy muốn ám chỉ gì? Người thư ký “fascio” của thành phố này là một trong những bạn học cũ của tôi, chúng tôi còn có chút liên hệ khác nữa, em gái tôi là vợ của một người có họ hàng với anh ta... Có những điều mà người Đức các ông không thể nào hiểu được, Trung úy chưa hiểu rõ nước Ý...

– Xin lỗi ngài trạng sư, thực là một bằng chứng hùng hồn... các ngài, phát-

xít và chống phát-xít, tất cả đều liên hệ với nhau, bởi vì các ngài cùng một giai cấp... và chính quyền này là chính quyền của các ngài, phát-xít cũng như chống phát-xít, bởi đó là chính quyền của giai cấp các ngài... Ông bạn, sự kiện rành rành ra đó, nói nhiều cũng thế thôi...

Mặc dù trong nhà trời lạnh, mồ hôi cũng đọng trên trán viên trạng sư, bà mẹ ông ta không biết xoay phương nào bèn đứng dậy nói:

– Tôi đi pha cà phê nóng đây...

Rồi bà trốn biệt luôn trong nhà bếp.

Tên trung úy nói tiếp:

– Tôi không phải như phần lớn đồng bào của tôi, họ thật ngu ngốc bên những người Ý... họ thích nước Ý vì đèn đài, phong cảnh nước Ý đẹp nhất thế giới...

Khi họ nghe một người Ý nói tiếng nước họ là họ động lòng liền... Đôi khi được người ta mời bữa ăn ngon như bữa ăn hôm nay thì chung quanh chai rượu họ liền kết nghĩa bạn bè.. Tôi không có được sự ngây ngô đó.. Sự vật thế nào tôi nhìn như thế đó, và tôi nghĩ điều gì thì tôi nói thẳng với ông điều đó, ông bạn...

Lúc bấy giờ, tôi cũng không biết tại sao nữa, có thể viên trạng sư khốn khổ làm tôi mũi lòng, bỗng nhiên tôi nói mà không suy nghĩ:

– Ông có biết tại sao ông trạng sư mời ông bữa cơm này không?

– Tại sao vậy?

– Tại vì người Đức các ông làm cho mọi người kinh sợ... ai cũng khiếp hãi các ông... vậy thì ông trạng sư tìm cách vuốt ve ông tìm cách làm quen với ông

cũng như người ta làm quen và vuốt ve một con thú dữ bằng cách cho nó ăn một cái gì ugon ngon...

Điều kỳ lạ là một thoáng buồn bã và chua chát đi qua trên gương mặt tên trung úy cho dù là một người Đức đi nữa thực chẳng thích thú gì khi nghe người ta nói rằng mình là một vật kinh khủng, và người ta tiếp đãi mình chỉ là vì lòng sợ hãi. Sững sốt vì câu trả lời của tôi, viên trạng sư chen vào:

– Xin trung úy đừng quan tâm... đàn bà họ chẳng biết gì đại sự đâu...

Nhưng tên Đức ngắt lời ông ta:

– Mà tại sao chúng tôi, người Đức chúng tôi lại làm cho các người sợ hãi chứ? Chúng tôi không phải là con người như những người khác sao?

Tôi muốn trả lời hắn ta rằng một con người là một con người, nghĩa là một con chiên không nên tìm sự vui thích trong hành động phun lửa giết sạch một căn hầm đầy lính...

Nhưng may mắn sao (bởi tôi cũng không biết cái gì đã xảy ra) tôi chưa kịp trả lời thì thành lình trong thung lũng, tiếng ầm ầm làm rung chuyển bầu không khí, những tiếng nổ khô khan rời rạc của đội phòng không xen lẫn những tiếng nổ kinh hồn từ trên trời. Đồng thời, bầu không khí tràn đầy tiếng ì-ầm, lúc đầu xa, sau đến càng lúc càng rõ ràng. Tên trung úy phóng ra khỏi ghế kê lên:

– Máy bay!... Tôi chạy về pháo đội...

Và xô ngã một chiếc ghế trên lối đi, hắn chạy bay ra ngoài. Người đầu tiên

trở lại bình tĩnh là viên trạng sư. Ông ta nói:

– Nhanh lên... Nhanh lên xuống hầm trú ẩn...

Và ông ta chạy ra ngoài trước chúng tôi. Cách nhà vài bước là một lỗ hổng trên mặt đất, phủ bằng những cây đà kết lại, phía trên để những bao cát. Viên trạng sư chạy đến lỗ hổng đó, leo xuống thang và lập lại:

– Nhanh lên... mấy người nhanh lên, tụi nó tới trên đầu mình bây giờ đó...

Giữa những tiếng đại bác phòng không, tiếng vù vù lúc sau trở thành tiếng sét diếc tai. Rồi nó tắt mất. Trong bóng tối, chúng tôi thấy mình ngồi dưới một góc hầm, có lẽ được đào dưới chỗ rừng thưa. Viên trạng sư giải thích:

– Chỗ trú đạn này khốn khổ là không đủ để tránh bom, nó chỉ giúp ta tránh được đạn liên thanh... Chúng ta ở dưới một thước đất, bên trên còn có mấy bao...

Tôi không biết là mình đã ở tại đó trong bao nhiêu lâu, đứng trong bóng tối và gần như không thở; Chúng tôi nghe vài tiếng súng đại bác nhỏ dần rồi không nghe gì nữa. Sau cùng viên trạng sư giở nắp hầm, nhận rằng bình yên đã trở lại, chúng tôi ra khỏi hầm. Chúng tôi thấy nhiều bao cát bị thủng lỗ và viên trạng sư cúi xuống lượm một viên đạn đồng. Lão nói:

– Nếu của này mà đụng vào mình là mình đi đời.

Rồi ngược mắt nhìn trời hẩn tiếp:

– Cầu cho mấy chiếc máy bay này...
cứ đến đều đều... Lạy trời cho tụi bay
thanh toán tên trung úy thú dữ kia đi.

Bà mẹ ông ta nói giọng khiển trách:

– Đừng nói vậy Francesco, hắn cũng
là một con chiên như ta... đừng nên chúc
sự chết cho người nào hết.

Viên trạng sư trả lời giọng hằn học:

– Một con chiên: tôi nguyện rửa nó,
pháo đội của nó và cái ngày mà nó đến
trú đóng đây... khi nào nó ra đi tôi sẽ làm
một bữa tiệc ngàn lần thịnh soạn hơn
hôm nay. Và dĩ nhiên là tôi mời tất cả
mọi người...

Cuối cùng chúng tôi vào nhà, uống
cà phê và bà mẹ viên trạng sư đổi một
ít bột mì và đậu lấy trứng của chúng tôi.
Rồi chúng tôi cáo từ.

Trời đã tối và chúng tôi hấp tấp trở về Sant-Eufemia.

